



yǐn pǐn
饮品

noun · beverage; drink

Example Sentences

Zhè jiā diàn tí gōng gè zhǒng yǐn pǐn
这家店提供各种饮品。

This shop offers various beverages.

Xià tiān wǒ xǐ huān hē bīng liáng de yǐn pǐn
夏天我喜欢喝冰凉的饮品。

In summer, I like to drink cold beverages.

Trace each character, then write the word on your own.

饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	饮	
品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品
品										